

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2022/HS-ST

Ngày: 14 - 11 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU - TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hóa;

Ông Phạm Văn Lịch.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đính - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Lại Minh Khôi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 73/2022/TLST-HS ngày 24 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2021/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn C, sinh năm 1991; nơi sinh và nơi cư trú: Xóm T, xã N, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Tu sỹ; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L (đã chết) và bà Trần Thị L, sinh năm 1960; gia đình có 05 anh chị em, bị cáo là thứ tư; vợ, con: Không; tiền án, tiền sự : Không; bị bắt tạm giam từ ngày 05/7/2022 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hải Hậu. Có mặt.

- Bị hại: Anh Nguyễn Văn P; sinh năm 1969 và chị Nguyễn Thị L; sinh năm 1974; địa chỉ: Xóm 4, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Anh P có mặt, chị L vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Thành C1; sinh năm 1989. Vắng mặt.
2. Anh Nguyễn Hữu Tú, sinh năm 1993. Vắng mặt.
3. Anh Nguyễn Văn C2; sinh năm 1991. Vắng mặt.
4. Anh Nguyễn Văn N; sinh năm 1986. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn C là tu sĩ đang tu ở chùa P thuộc xóm x, xã H, huyện H. Khoảng 08 giờ ngày 19/3/2021, C gọi điện cho chị Nguyễn Thị L ở xóm 4, xã H, huyện H làm nghề dịch vụ cho thuê xe ô tô tự lái đề hỏi thuê xe thì chị L đồng ý. Sau đó, chị L gọi điện cho chồng là anh Nguyễn Văn P điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Huyndai Elantra, biển kiểm soát 18A – 144.92 đến chùa P giao xe cho cho C. Tại đây, anh P giao xe ô tô cùng bản sao công chứng giấy chứng nhận đăng ký xe, bản chính bảo hiểm dân sự, bản chính giấy đăng kiểm, giấy biên nhận thế chấp Ngân hàng xác nhận ngân hàng giữ bản gốc giấy đăng ký xe và lập hợp đồng thuê xe với Nguyễn Văn C giá 700.000 đồng/ngày, thời gian thuê xe từ ngày 19/3/2021 đến ngày 22/3/2021. Do có mối quan hệ quen biết từ trước nên anh P không yêu cầu C phải đặt cọc tiền hay tài sản mà thỏa thuận khi nào trả xe thì thanh toán tiền xe. Sau khi thuê được xe, C điều khiển xe lên thành phố Hà Nội rồi nảy sinh ý định mang xe đi cầm cố. C sử dụng mạng xã hội biết được Nguyễn Thành C, sinh năm 1989; địa chỉ thường trú: thôn 5, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên có cửa hàng “Cầm đồ xanh” ở đường C, phường T, quận L, thành phố Hà Nội nhận cầm xe ô tô. C gọi điện vào số điện thoại 0945.899.999 của C1 nói muốn cầm xe ô tô biển kiểm soát 18A-144.92 không chính chủ thì C1 đồng ý. Sau đó, C điều khiển xe đến gặp C1 nói muốn cầm xe với số tiền 30.000.000 đồng trong thời hạn 10 ngày nhưng C1 nói phải cầm cố ít nhất 70.000.000 đồng đến 100.000.000, lãi suất 11.000 đồng/triệu/ngày. Do cần tiền ăn tiêu nên C đồng ý cầm chiếc xe trên lấy 90.000.000 đồng, ký tên điểm chỉ ngón cái phải vào mục người nhận cọc. C1 giữ lại giấy cùng giấy bảo hiểm, đăng kiểm của xe, bản photo C1 chứng đăng ký xe, giấy xác nhận của ngân hàng và C1 lấy lãi trước số tiền 20.000.000 đồng/20 ngày rồi chuyển khoản cho C số tiền 70.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, C trả nợ và ăn tiêu hết. Khi hết thời hạn thuê xe, anh P liên lạc với C yêu cầu trả xe nhưng C hẹn khi nào xong việc sẽ đem xe về trả. Ngày 25/3/2021, C chuyển khoản cho anh P số tiền 3.500.000 đồng trả tiền thuê xe thì anh P kiểm tra định vị phát hiện chiếc xe nằm nguyên ở một vị trí trong thời gian dài nên nghi ngờ C mang xe đi cầm cố. Ngày 27/3/2021, anh P thấy chiếc xe trên đang ở xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên đã bị ngắt toàn bộ hệ thống định vị trên xe. Ngày 13/4/2021, anh P gặp C tại Hà Nội thì C thừa nhận đã đem xe cầm cố lấy 70.000.000 đồng nhưng không có khả năng lấy lại xe.

Đến ngày 18/4/2022, anh Nguyễn Văn P làm đơn trình báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hải Hậu, sau đó khoảng 19 giờ 40 phút cùng ngày Nguyễn Văn C đến Công an huyện Hải Hậu đầu thú. Ngày 19/4/2021, anh P liên lạc với Nguyễn Thành C1 đề chuộc xe thì C1 yêu cầu anh P chuyển khoản cho C1 số tiền 80.000.000 đồng thì sẽ trả xe, anh P đồng ý. Sau khi nhận được tiền, C1 bảo Nguyễn Hữu Tú, sinh năm 1993 ở thôn T, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 18A-144.92 và toàn bộ giấy tờ xe đến khu vực ngã tư thị trấn V, huyện V, tỉnh Hưng Yên bỏ lại xe ở bên đường và gọi

cho anh P đến nhận. Anh P đã nhận lại chiếc xe và mang chiếc xe cùng toàn bộ giấy tờ xe đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hải Hậu giao nộp.

Tại bản kết luận giám định số 25A/KL – HDDG ngày 11/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện Hải Hậu kết luận: Chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Elantra, biển kiểm soát 18A – 144.92 có trị giá 430.000.000 đồng. Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho người bị hại. Sau khi nhận lại tài sản anh Nguyễn Văn P yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 80.000.000 đồng chuộc lại xe ô tô nhưng hiện nay bị cáo chưa bồi thường.

Ngày 18/8/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hải Hậu ra quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết nguồn tin về tội phạm do chưa làm rõ người nhận cầm cố chiếc xe ô tô của anh P. Đến ngày 16/6/2022 đã ra quyết định phục hồi giải quyết nguồn tin về tội phạm thì Nguyễn Thành C1 đang bị C1 an Thành phố Hà Nội tạm giam về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, “Đánh bạc”, “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Tại bản Cáo trạng số 73/CT-VKSHH ngày 24/10/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu truy tố bị cáo Nguyễn Văn C về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng khoản 3 Điều 175; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo từ 09 năm 06 tháng đến 10 năm tù. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Buộc bị cáo phải trả cho anh Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Thị L số tiền 80.000.000 đồng.

Trong phần tranh luận và lời nói sau cùng, bị cáo thừa nhận đã phạm tội, đồng ý trả cho bị hại số tiền 80.000.000 đồng. Bị cáo xin hứa sửa chữa lỗi lầm và đề nghị được giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại anh Nguyễn Văn P tại phiên tòa có yêu cầu bị cáo phải trả số tiền 80.000.000 đồng anh đã trả cho Nguyễn Thành C1 để chuộc lại chiếc xe ô tô và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hải Hậu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, kết luận định giá tài sản số 25A/KL-HDDG ngày 11/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Hải Hậu và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 08 giờ ngày 19/3/2021, Nguyễn Văn C thuê xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Elantra, biển kiểm soát 18A - 144.92 trị giá 430.000.000 đồng của anh Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Thị L để làm phương tiện đi lại, sau đó Nguyễn Văn C nảy sinh ý định chiếm đoạt xe nên đã mang đi cầm cố cho Nguyễn Thành C1 ở số 68, đường Cổ Linh, phường Thạch Bàn, quận Long Biên, thành phố Hà Nội lấy 70.000.000 đồng rồi ăn tiêu hết, không có khả năng chuộc lại chiếc xe trả cho anh P, chị L. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 175 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 175. Tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định:

“1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

b. Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản.

3. Phạm tội chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm”.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Do đó cần phải xử lý nghiêm nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thái độ ăn năn hối cải. Sau khi hành vi bị phát hiện, bị cáo đã ra đầu thú khai nhận hành vi phạm tội của mình, tại phiên tòa được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Do vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt chính: Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, tiếp tục cách ly bị cáo khỏi cộng đồng xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 175 của Bộ luật Hình sự, bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Tuy nhiên, xét bị cáo có nghề nghiệp là tu sỹ, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo chiếm đoạt chiếc xe ô tô biển kiểm soát 18A-144.92 của anh Nguyễn Văn P, chị Nguyễn Thị L mang đi cầm cố cho Nguyễn Thành C1 lấy số tiền 70.000.000 đồng ăn tiêu cá nhân hết. Anh Nguyễn Văn P đã tự trả cho C1 số tiền 80.000.000 đồng gốc và lãi để chuộc xe về. Đến nay bị cáo chưa hoàn trả cho anh P nên anh P yêu cầu bị cáo hoàn trả là phù hợp quy định tại các Điều 48 Bộ luật Hình sự và các Điều 584, 585 và 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Tại phiên tòa bị cáo cũng nhất trí trả cho anh P số tiền trên.

[8] Về án phí: Bị cáo là người bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[9] Quyền kháng cáo: Bị cáo và các bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 3 Điều 175; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

1.1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

1.2. Xử phạt Nguyễn Văn C 09 (Chín) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05 tháng 7 năm 2022.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585 và 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Nguyễn Văn C phải trả cho anh Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Thị L số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 307, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các điểm a, c khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bị cáo Nguyễn Văn C phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo và bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- Sở Tư pháp tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Hải Hậu;
- Công an huyện Hải Hậu;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu;
- UBND xã N;
- Bị cáo;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Trung Kiên